TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày: 10-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghiêm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm X Thành và bà Huỳnh Thị Sâm.
Thư ký phiên toà: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận Tm gia phiên toà: Ông Bùi Đ Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLST-HS ngày 17/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 13/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/HSST-QĐ ngày 25/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Thái B (Tên gọi khác: Hiếu) sinh năm 1989 tại Ninh Thuận. HKTT: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Khu phố K 1, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1961 và bà Võ Thị C, sinh năm 1964; có vợ là bà Nguyễn Phương H, sinh năm 1993 và 02 người con, lớn nhất 03 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 23/01/2022; bị tạm giữ từ ngày 23/01/2022 đến ngày 01/02/2022 được Ty thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

2. Huỳnh Văn L, sinh năm 1993 tại Ninh Thuận. HKTT: Khu phố H1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề ngH: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1962 và bà Trương Thị L (đã chết); có vợ là bà Trần Thị H sinh năm 2000 và 02 người con, lớn nhất 04 tuổi (đã chết), nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

3. Võ Bình Huy, sinh năm 1992 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề ngH: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Võ Bình Tr (đã chết) và bà Lê Thị Kim P (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Thị Khánh H sinh năm 1998 và 02 người con, lớn nhất 04 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn T 1, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

2. Bà Bùi Thị Duy H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

3. Ông Trần Hồng Đ, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn T 1, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

4. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khu phố K1, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

5. Ông Trương M T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn L2, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

6. Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

8. Bà Nguyễn Thị M X, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn T, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

9. Bà Phan Thị Tnh Q, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

10. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Khu phố K2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

11. Bà Tô Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn T2, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

12. Ông Đỗ Quốc Th, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn K, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

13. Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn T1, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

14. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Khu phố K2, thị trấn Kh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

15. Ông Phan Văn M, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

16. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn T1, xã Tr, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có yêu cầu xử vắng mặt*);

17. Bà Nguyễn Phương H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (*Có đơn xin vắng mặt*);

18. Bà Võ Thị C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (*Có đơn xin vắng mặt*);

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Thấy có nhiều người dân có nhu cầu vay tiền để chi tiêu gia đình và kinh doanh nên Trần Thái B đã cho những người vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày đến 10.000đồng/1.000.000 đồng/1ngày (tức 0,3%/ngày đến 1%/ngày). Lãi suất tương ứng từ 109,5%/ năm đến 365%/năm, cao gấp từ 5,475

lần đến 18,25 lần lãi suất mà pháp luật dân sự cho phép. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…".*

Qua điều tra xác định từ đầu năm 2021, Trần Thái B nói Huỳnh Văn L và Võ Bình H đi đưa tiền cho người có nhu cầu vay, thu tiền lãi của những người vay tiền. Đồng thời trong lúc đi thu tiền lãi nếu ai có nhu cầu vay tiền thì L, H giới thiệu những người này cho B để B cho họ vay tiền. B trả tiền công cho L và H từ 50.000 đồng/ngày đến 200.000 đồng/ngày.

Ngày 23/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thái B tại khu phố K1, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thu giữ tiền, điện thoại, các loại giấy tờ, sổ sách liên quan đến việc cho vay.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thái B, Huỳnh Văn L và Võ Bình H đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã xác định được B cho 16 người vay với tổng số tiền 342.000.000 đồng. Tiền lãi B thu được là 129.450.000, trong đó tiền lãi hợp pháp 20%/năm theo quy định của pháp luật dân sự là 10.665.753 đồng, còn lại 118.784.247 đồng là tiền thu lợi bất chính. Số tiền vay, tiền lãi của từng người cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc C vay số tiền 15.000.000 đồng, từ tháng 12/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà C đã trả lãi 40 ngày (1%/ngày x 15.000.000 đồng x 40 ngày) là 6.000.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 328.767 đồng, lãi suất trên 20% là 5.671.233 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 5.671.233 đồng.

2. Bà Bùi Thị Duy H vay số tiền 8.000.000 đồng, từ tháng 12/2021với lãi suất là 0.5%/ngày, bà H đã trả lãi 30 ngày (0,5%/ngày x 8.000.000 đồng x 30 ngày) là: 1.200.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 131.507 đồng, lãi suất trên 20% là 1.068.493 đồng và đã trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 1.068.493 đồng.

3. Ông Trần Hồng Đ vay số tiền 7.000.000 đồng, từ tháng 12/2021 với lãi suất là 1%/ngày, ông Đ đã trả lãi 30 ngày (1%/ngày x 7.000.000 đồng x 30 ngày) là 2.100.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 115.068 đồng, lãi suất trên 20% là 1.984.932 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 1.984.932 đồng.

4. Ông Trần Văn Th vay số tiền 30.000.000 đồng, từ tháng 12/2021 với lãi suất là 1%/ngày, ông Th đã trả lãi 30 ngày (1%/ngày x 30.000.000 đồng x 30 ngày) là 9.000.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 493.151 đồng, lãi suất trên 20% là 8.506.849 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 8.506.849 đồng.

5. Ông Trương Minh T vay số tiền 40.000.000 đồng, từ tháng 11/2021 với lãi suất là 0,5%/ngày, ông T đã trả lãi 60 ngày (0,5%/ngày x 40.000.000 đồng x 60 ngày) là 12.000.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 1.315.068 đồng, lãi suất trên 20% là 10.684.932 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 10.684.932 đồng.

6. Ông Nguyễn Phú Q vay số tiền 145.000.000 đồng, từ tháng 11/2021 với lãi suất là 0,4%/ngày, ông Q đã trả lãi 50 ngày (0,4%/ngày x 145.000.000 đồng x 50

ngày) là 29.000.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 3.972.603 đồng, lãi suất trên 20% là 25.027.397 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 25.027.397 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị D vay số tiền 10.000.000 đồng, từ tháng 12/2021 với lãi suất là 0,5%/ngày, bà D đã trả lãi 30 ngày (0,5%/ngày x 10.000.000 đồng x 30 ngày) là 1.500.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 164.384 đồng, lãi suất trên 20% là 1.335.616 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 1.335.616 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Minh X vay số tiền 14.000.000 đồng, từ tháng 6/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà X đã trả lãi 30 ngày (1%/ngày x 14.000.000 đồng x 30 ngày) là 4.200.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 230.137 đồng, lãi suất trên 20% là 3.969.863 đồng và đã trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 3.969.863 đồng.

9. Bà Phan Thị Thanh Q vay số tiền 20.000.000 đồng, từ tháng 12/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà Q đã trả lãi 40 ngày (1%/ngày x 20.000.000 đồng x 40 ngày) là 8.000.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 438.356 đồng, lãi suất trên 20% là 7.561.644 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 7.561.644 đồng.

10. Ông Nguyễn Thanh T vay số tiền 2.000.000 đồng, từ tháng 6/2021 với lãi suất là 1%/ngày, ông T đã trả lãi 220 ngày (1%/ngày x 2.000.000 đồng x 220 ngày) là 4.400.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 241.096 đồng, lãi suất trên 20% là 4.158.904 đồng và đã trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 4.158.904 đồng.

11. Bà Tô Thị H vay số tiền 4.000.000 đồng, từ tháng 11/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà H đã trả lãi 55 ngày (1%/ngày x 4.000.000 đồng x 55 ngày) là 2.200.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 120.548 đồng, lãi suất trên 20% là 2.079.452 đồng. Bà H đã trả tiền gốc 1.000.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 2.079.452 đồng.

12. Ông Đỗ Quốc Th vay số tiền 5.000.000 đồng, từ tháng 01/2022 với lãi suất là 1%/ngày, ông Thái đã trả lãi 15 ngày (1%/ngày x 5.000.000 đồng x 15 ngày) là 750.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 41.096 đồng, lãi suất trên 20% là 708.904 đồng và đã trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 708.904 đồng.

13. Bà Nguyễn Thị Lệ D vay số tiền 8.000.000 đồng, từ tháng 6/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà D đã trả lãi 210 ngày (1%/ngày x 8.000.000 đồng x 210 ngày) là 16.800.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 920.548 đồng, lãi suất trên 20% là 15.879.452 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 15.879.452 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị Thu V vay số tiền 4.000.000 đồng, từ tháng 7/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà V đã trả lãi 195 ngày (1%/ngày x 4.000.000 đồng x 195 ngày) là 7.800.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 427.397 đồng, lãi suất trên 20% là 7.372.603 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 7.372.603 đồng.

15. Ông Phan Văn M vay số tiền 20.000.000 đồng, từ tháng 12/2021 với lãi suất là 0,3%/ngày, ông M đã trả lãi 50 ngày (0,3%/ngày x 20.000.000 đồng x 50 ngày) là 3.000.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 547.945 đồng, lãi suất trên 20% là 2.452.055 đồng và chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 2.452.055 đồng.

16. Bà Lê Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, từ tháng 6/2021 với lãi suất là 1%/ngày, bà Hoa đã trả lãi 215 ngày (1%/ngày x 10.000.000 đồng x 215 ngày) là 21.500.000 đồng, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 1.178.082 đồng, lãi suất trên 20% là 20.321.918 đồng và đã trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 20.321.918 đồng.

Trong quá trình tố tụng Trần Thái B thừa nhận do không am hiểu pháp luật và không được giải thích nên sau khi có cáo trạng của Viện kiểm sát các người vay trả tiền gốc, tiền lãi thì B có nhận thêm, cụ thể như sau:

1. Nhận tiền gốc của ông Trương Minh T số tiền 28.000.000 đồng, ông Trần Hồng Đ số tiền 7.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 15.000.000 đồng, bà Phan Thị Thanh Q số tiền 20.000.000 đồng, bà Tô Thị H 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D 10.000.000 đồng và không có lấy thêm khoản tiền lãi nào của những người này.

2. Thu tiền lãi của ông Phan Văn M thêm 03 lần (10 ngày lấy 01 lần), mỗi lần số tiền là 600.000 đồng, tổng cộng là 1.800.000 đồng, không thu tiền gốc, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 328.767 đồng, lãi suất trên 20% là 1.471.233 đồng. Thu tiền lãi của bà Nguyễn Thị Thu V 01 lần vào ngày 19/7/2022 số tiền là 200.000 đồng (tương ứng với 5 ngày lãi), không thu tiền gốc, trong đó lãi suất từ 01% đến 20% là 10.959 đồng, lãi suất trên 20% là 189.041 đồng

Tổng số tiền gốc 121.000.000 đồng người vay đã trả cho Trần Thái B gồm: Bà Bùi Thị Duy H 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Minh X 14.000.000 đồng, ông Nguyễn Tnh T 2.000.000 đồng, bà Tô Thị H 1.000.000 đồng, ông Đỗ Quốc Th 5.000.000 đồng, bà Lê Thị H 10.000.000 đồng, ông Trương M T 28.000.000 đồng, ông Trần Hồng Đ 7.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc C 15.000.000 đồng, bà Phan Thị Thanh Q 20.000.000 đồng, bà Tô Thị H 1.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị D 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc 221.000.000 đồng người vay chưa trả cho Trần Thái B gồm: Ông Trần Văn Th 30.000.000 đồng, ông Trương Minh T 12.000.000 đồng, ông Nguyễn Phú Q 145.000.000 đồng, bà Tô Thị H 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ D 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V 4.000.000 đồng, ông Phan Văn M 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định của bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%/năm) mà Trần Thái B thu của 16 người vay nêu trên là 11.005.479 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà Trần Thái B thu của 16 người vay nên trên là 120.444.521 đồng và tất cả đều không yêu cầu Trần Thái B trả lại.

Ngoài ra, Trần Thái B còn cho nhiều người khác vay tiền nhưng Cơ quan điều tra chưa xác M được nhân thân, địa chỉ nên tiếp tục xác M xử lý sau.

* ***Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật; xử lý vật chứng*:**

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu điện thoại di động, vở, sổ và các giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các vật chứng hiện còn tạm giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số sêri: FK1ZW02ZN70V, Imel: 353924107159513, có gắn sim số 0938.874.022 của Trần Thái B và 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng, số máy 3D076LL/A, số sêri: F17U9DNLJCM4, bên trong có sim số 0971.834.837 của Huỳnh Văn L. Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2022 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Hải.

- Số tiền 15.000.000 đồng tạm giữ gồm: Tiền của Trần Thái B 5.000.000 đồng, tiền của chị Nguyễn Phương H (vợ của B) 10.000.000 đồng. Hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải quản lý theo phiếu ủy nhiệm chi số 106 ngày 21/6/2022 chuyển từ tài khoản tạm gửi của Công an huyện Ninh Hải số TK 3949.0.9056132 đến tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải số TK 3949.0.1047597 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Ninh Hải.

Bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSNH ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố các bị cáo Trần Thái B, Huỳnh Văn L, Võ Bình H để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Thái B có ông nội, bà nội được Chủ tịch nước tặng Huy chương nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thái B từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Áp dụng khoản 3 Điều 201, Điều 35 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Trần Thái B từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L và bị cáo Võ Bình H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Áp dụng khoản 3 Điều 201, Điều 35 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Văn L và bị cáo Võ Bình H mỗi người 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, bên trong có sim số 0938.874.022 của Trần Thái B và 01 điện thoại Iphone 8 plus, bên trong có sim số 0971.834.837 của Huỳnh Văn L đây là công cụ phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với 02 chiếc điện thoại trên, riêng sim điện thoại số 0938.874.022 và 0971.834.837 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 15.000.000 đồng, gồm tiền của Trần Thái B 5.000.000 đồng, tiền của chị Nguyễn Phương H (vợ của B) 10.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chị Nguyễn Phương H 10.000.000 đồng và tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 của Trần Thái B để đảm bảo thi hành án.

Số tiền gốc 121.000.000 đồng người vay đã trả cho Trần Thái B gồm của bà Bùi Thị Duy H 8.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Minh X 14.000.000 đồng, của ông Nguyễn Thanh T 2.000.000 đồng, của bà Tô Thị H 1.000.000 đồng, của ông Đỗ Quốc Th 5.000.000 đồng, của bà Lê Thị H 10.000.000 đồng, của ông Trương Minh T 28.000.000 đồng, của ông Trần Hồng Đ 7.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Ngọc C 15.000.000 đồng, của bà Phan Thị Thanh Q 20.000.000 đồng, của bà Tô Thị H 1.000.000 đồng và của bà Nguyễn Thị D 10.000.000 đồng. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Trần Thái B phải nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Số tiền gốc 221.000.000 đồng người vay chưa trả cho Trần Thái B gồm: Ông Trần Văn Th 30.000.000 đồng, ông Trương Minh T 12.000.000 đồng, ông Nguyễn Phú Q 145.000.000 đồng, bà Tô Thị H 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ D 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V 4.000.000 đồng, ông Phan Văn M 20.000.000 đồng. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc những người trên phải nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Số tiền lãi 11.005.479 tương ứng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (từ 1% đến 20%/năm) mà Trần Thái B thu của 16 người vay nêu trên. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Trần Thái B nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Số tiền 120.444.521 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là tiền thu lợi bất chính mà Trần Thái B thu của 16 người vay nên trên, họ không yêu cầu Trần Thái B trả lại nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Bình H không nhớ số tiền cụ thể bị cáo Trần Thái B đã trả công nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

Bà Võ Thị C (mẹ của bị cáo B) và chị Nguyễn Phương H (vợ của bị cáo B) không biết bị cáo B thực hiện việc cho vay lấy lãi suất cao nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án, nên đề nghị buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình giống với lời khai trong quá trình điều tra và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất có thể và cho hưởng án treo để có điều kiện lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có yêu cầu, đơn xin xử vắng và đã có lời khai trong quá trình điều tra vụ án nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như nội D cáo trạng. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 01/2022, bị cáo Trần Thái B đã cho 16 người vay tổng số tiền là 342.000.000 đồng với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày (tức 0,3%/ngày đến 1%/ngày). Lãi suất tương ứng từ 109,5%/năm đến 365%/năm; cao gấp từ 5,475 lần đến 18,25 lần lãi suất mà pháp luật dân sự cho phép, thu lợi bất chính 120.444.521 đồng. Các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Bình H là những người giúp sức, được bị cáo B giao đi đưa tiền cho người có nhu cầu vay, thu tiền lãi và giới thiệu người vay tiền nên phải chịu trách nhiệm cùng bị cáo B với vai trò đồng phạm.

[4] Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Cáo trạng số 25/CT-VKSNH ngày 17/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 201 của Bộ luật Hình sự qui định:

"*1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[5]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được viêc cho vay lãi nặng là trái pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân muốn kiếm tiền một cách bất chính vẫn cố ý thực hiện, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội đã gây ra. Hành vi cho vay lãi nặng mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn vì phải trả lãi suất quá cao, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm M trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi tội phạm có đồng phạm, nhưng chỉ mang tính chất giản đơn. Tuy nhiên, từng bị cáo đã thể hiện vai trò đồng phạm khác nhau nên khi lượng hình cần thiết phải xét đến tính chất của đồng phạm và vai trò tham gia của từng bị cáo, để xử một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với từng bị cáo gây ra, cụ thể:

Số tiền cho vay 342.000.000 đồng là của bị cáo Trần Thái B và toàn bộ số tiền gốc, lãi đã thu được trong quá trình cho vay các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Bình H đã giao lại cho bị cáo B. Do đó, bị cáo B là người trực tiếp hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng; các bị cáo L, H chỉ là người làm thuê với vai trò là người giúp sức như nhau và được bị cáo B trả tiền công. Vì vậy trách nhiệm hình sự của bị cáo L và bị cáo H nhẹ hơn so với bị cáo B thì mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; đồng thời về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp (buộc truy thu nộp Ngân sách Nhà nước ...) cũng chỉ đặt ra đối với bị cáo B.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Thái B có ông bà nội Trần Kim V, Nguyễn Thị N là người có công với nước được tặng thưởng huân huy chương; nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết

giảm nhẹ, đều mới lần đầu tiên phạm tội, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng; nên chưa cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà nên áp dụng với các bị cáo hình phạt tù có điều kiện, cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng để tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương; đồng thời thể hiện chính sách pháp luật Hình sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước đối với người biết ăn năn, hối cải.

[10] Về hình phạt bổ sung: Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[11] Về vấn đề khác: Các bị cáo Huỳnh Văn L, Võ Bình H không nhớ số tiền cụ thể bị cáo Trần Thái B đã trả công nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

Bà Võ Thị C (mẹ bị cáo B) và bà Nguyễn Phương H (vợ bị cáo B) tuy ở chung nhà nhưng không biết bị cáo B thực hiện việc cho vay lấy lãi suất cao nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[12] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

[12.1] Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo B và 10.000.000 đồng thu giữ của chị Nguyễn Phương H không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng; nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự trả lại cho bị cáo B và chị Hoa. Riêng số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo B cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành hình phạt tiền và các khoản truy thu nộp Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.

Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng theo phiếu ủy nhiệm chi số 106 lập vào ngày 21/6/2022 chuyển từ tài khoản tạm gửi của Công an huyện Ninh Hải số TK 3949.0.9056132 đến tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải số TK 3949.0.1047597 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Ninh Hải để đảm bảo cho việc thi hành án.

[12.2] Đối với số tiền lãi 11.005.479 đồng tương ứng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự (từ 1% đến 20%/năm) mà bị cáo B thu của 16 người vay là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo B nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[12.3] Đối với số tiền 120.444.521 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo B thu của 16 người vay và tất cả đều không yêu cầu bị cáo B trả lại nên không xem xét giải quyết.

[12.4] Đối với số tiền 342.000.000 đồng mà bị cáo B đã cho vay là tiền riêng của bị cáo B dùng làm công cụ phạm tội. Tuy nhiên, số tiền gốc mà bị cáo B đã cho vay mới thu hồi được 121.000.000 đồng, nên buộc bị cáo B nộp lại số tiền 121.000.000 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[12.5] Đối với số tiền gốc 221.000.000 đồng người vay chưa trả cho Trần Thái B gồm: Ông Trần Văn Th 30.000.000 đồng, ông Trương Minh T 12.000.000 đồng, ông Nguyễn Phú Q 145.000.000 đồng, bà Tô Thị H 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ D 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V 4.000.000 đồng và ông Phan Văn M 20.000.000 đồng. Đây là tiền mà bị cáo B dùng làm công cụ phạm tội, nên buộc những người trên phải nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[12.6] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số sêri: FK1ZW02ZN70V, Imel: 353924107159513, có gắn sim số 0938.874.022 của Trần Thái B và 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng, số máy 3D076LL/A, số sêri: F17U9DNLJCM4, bên trong có sim số 0971.834.837 của Huỳnh Văn L. Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại, riêng sim điện thoại số 0938.874.022 và 0971.834.837 tịch thu tiêu hủy.

Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2022 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Hải.

[13] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[14] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc định tội, định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thái B (Tên gọi khác: Hiếu) phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Thái B 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/8/2022).

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201, Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Thái B 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn L và bị cáo Võ Bình H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/8/2022).

- Xử phạt bị cáo Võ Bình H 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/8/2022).

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201, Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Huỳnh Văn L và bị cáo Võ Bình H mỗi người 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Thái B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Huỳnh Văn L và bị cáo Võ Bình H cho Ủy ban nhân dân phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo Ty đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

(Đã giải thích rõ về án treo cho các bị cáo)

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Trần Thái B số tiền 5.000.000 đồng và trả cho chị Nguyễn Phương H số tiền 10.000.000 đồng. Riêng số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo B cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành hình phạt tiền và các khoản truy thu nộp Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: Các sim điện thoại số 0938.874.022 và 0971.834.837.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số sêri: FK1ZW02ZN70V, Imel: 353924107159513 và 01 điện thoại Iphone 8 plus màu vàng, số máy 3D076LL/A, số sêri: F17U9DNLJCM4.

- Buộc bị cáo Trần Thái B nộp tổng số tiền 132.005.479 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu không trăm L năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người vay tiền phải trả và nộp lại tổng số tiền nợ gốc chưa trả đủ cho bị cáo Trần Thái B là 221.000.000 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước; người trả và số tiền trả cụ thể như sau: Ông Trần Văn Th 30.000.000 đồng, ông Trương M T 12.000.000 đồng, ông Nguyễn Phú Q 145.000.000 đồng, bà Tô Thị H 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ D 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V 4.000.000 đồng và ông Phan Văn M 20.000.000 đồng.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) đang quản lý theo phiếu ủy nhiệm chi số 106 lập vào ngày 21/6/2022 chuyển từ tài khoản tạm gửi của Công an huyện Ninh Hải số TK 3949.0.9056132 đến tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải số TK 3949.0.1047597 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Ninh Hải và vật chứng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2022 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Hải để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Thái B, Huỳnh Văn L và Võ Bình H mỗi người phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Công an huyện Ninh Hải;
- Chi cục TDS huyện Ninh Hải;
- Thi hành án phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- UBND TT Khánh Hải;
- UBND phường Văn Hải, TP.PR-TC
- Những người Tm gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghiêm